

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST  
Ngày: 15 - 6 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hòe.
2. Bà Hoàng Thị Thoan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh S, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1997 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; con bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Từ nhỏ sống cùng với gia đình, được bố mẹ cho ăn học hết lớp 12/12. Ngày 23/9/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử và xử phạt 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình.

**- Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu trung tâm:**

+ *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Hồng M - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trung tâm Tư vấn pháp luật - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ *Đại diện theo ủy quyền của Bị hại:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Thế D, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- ***Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:***

+ Ông Lê Văn Ý, Cán bộ kỹ thuật thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 Nguyễn Thanh S đến cửa hàng cho thuê xe ở số 17, đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình của anh Nguyễn Duy T thuê xe ô tô tự lái để làm phương tiện đi lại. Anh T đồng ý cho S thuê 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Mazda2, màu xanh, biển kiểm soát 73A-191.70, đăng ký xe mang tên Trà Nhật L, sinh năm 1989 ở phường B, thành phố Đ (anh L có ủy quyền giao xe lại cho anh T để kinh doanh) thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe thời gian 03 ngày là trả xe, kể từ lúc 13 giờ 45 phút ngày 20/9/2022 đến 13 giờ 45 phút ngày 23/9/2022; giá thuê xe là 800.000 đồng/ngày, tiền đặt cọc trước 2.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng xong anh T đã giao chìa khóa xe cùng giấy tờ xe (bản gốc) cho S. Trong quá trình sử dụng, do xe bị trục trặc nên S gọi điện thoại cho anh T xin đổi xe, nếu không cho đổi thì cho thuê thêm 01 xe khi nào đến hạn thì trả 02 xe một lúc, anh T đã đồng ý.

Ngày 21/9/2022, Nguyễn Thanh S tiếp tục đến tại cửa hàng của anh T, gặp anh Nguyễn Duy T (là em ruột và làm cùng với T) thuê thêm chiếc xe ô tô nhãn hiệu Xpander, màu trắng, biển kiểm soát 73A-130.16, đăng ký xe mang tên

Nguyễn Văn T (là bố ruột của anh Nguyễn Duy T, giao xe lại cho anh T để phục vụ kinh doanh), anh T thỏa thuận giá thuê xe là 1.000.000 đồng/ngày, thời hạn 03 ngày trả xe, thời gian thuê từ lúc 14 giờ 50 phút ngày 21/9/2022 đến 14 giờ 50 phút ngày 23/9/2022. S đồng ý. Sau khi S viết xong hợp đồng thuê xe và trả tiền đặt cọc trước 3.000.000 đồng, anh T giao cho S chiếc xe biển kiểm soát 73A-130.16 và chìa khóa xe cùng toàn bộ giấy tờ của xe (bản gốc) gồm: 01 giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm và 01 bản sao đăng ký xe ô tô mang biển kiểm soát 73A-130.16. Sau khi nhận được 02 xe ô tô nói trên, Nguyễn Thanh S sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 73A-130.16 đi lại, còn chiếc xe Mazda2, có biển kiểm soát 73A-191.70 Sơn gửi tại nhà anh Nguyễn Văn H, trú tại thôn T, xã Q, thị xã B. Đến ngày 23/9/2022 là thời hạn trả xe theo hợp đồng cho anh T, nhưng tại thời điểm này, do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Thanh S nảy ra ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 73A-130.16 để lấy tiền.

Cùng ngày 23/9/2022, Nguyễn Thanh S điều khiển chiếc xe ô tô biển kiểm soát 73A-130.16, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T đem đến tiệm cầm đồ “Hoàng Dũng” của anh Hoàng Thế D, cầm cố lấy 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và hẹn 20 ngày sau quay lại. Quá trình cầm cố, Nguyễn Thanh S giao lại chiếc xe ô tô và toàn bộ giấy tờ liên quan đến xe cho anh D mà không được sự cho phép của anh Nguyễn Duy T, hơn nữa anh T cũng không hề hay biết việc này. Đến ngày hết hạn thuê xe, anh T đã nhiều lần gọi điện thoại liên lạc với S để giục trả xe nhưng không liên lạc được. Sau khi bị phát giác, anh T đã liên lạc được với S và S đã khai nhận là đã mang chiếc xe ô tô trên cầm cố tại tiệm cầm đồ của anh D, do không có tiền để chuộc lại xe và trả tiền thuê xe cho anh T, nên S bỏ trốn khỏi địa phương.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ một số giấy tờ và 02 xe ô tô liên quan đến vụ án bao gồm:

- + 01 hợp đồng cầm đồ ngày 23/9/2022 của quán cầm đồ Hoàng Dũng, người cầm đồ là Nguyễn Thanh S.
- + 01 giấy cầm xe do Nguyễn Thanh S viết về việc cầm cố xe Xpander biển kiểm soát 73A-130.16.
- + 01 giấy kiểm định số 8393049 của xe 73A-130.16 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Quảng Bình cấp ngày 24/12/2021.
- + 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của Nguyễn Văn T.
- + 01 bản sao đăng ký xe ô tô 73A-130.16.
- + 01 bản photo Chứng minh nhân dân của Nguyễn Thanh S.

+ 01 bản photo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 29D80000173 do UBND thị xã B cấp cho Hoàng Thế D.

+ 01 bản photo Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự số 03/2018/GCN do Công an thị xã Ba Đồn cấp cho hộ kinh doanh 29D80000173.

+ 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu Xpander, biển kiểm soát 73A-130.16.

+ 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda2, biển kiểm soát 73A-191.70.

Ngày 27/12/2022, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 40/QĐ-CSĐT về việc trả lại 02 chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 73A-191.70 và xe ô tô mang biển kiểm soát 73A-130.16 cho ông Nguyễn Văn T và anh Trà Nhật L, do anh Nguyễn Duy T là người được ông T và anh L ủy quyền nhận thay cho họ.

Ngày 14/11/2022, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình đã đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cung cấp thông tin liên quan đến 02 xe ô tô, kết quả: Xe ô tô biển kiểm soát 73A-130.16 là của ông Nguyễn Văn T; xe ô tô biển kiểm soát 73A-191.70 là của anh Trà Nhật L.

Tại bản kết luận định giá số 4207/STC-KLĐG ngày 14/11/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Giá trị của xe ô tô Xpander mang biển kiểm soát 73A-130.16 là 520.000.000 (Năm trăm hai mươi triệu) đồng, giá của xe ô tô Mazda2, biển kiểm soát 73A-191.70 là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Duy T yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh S bồi thường số tiền hợp đồng thuê của 02 chiếc xe nói trên là: 52.000.000 đồng. Quá trình ký hợp đồng thuê 02 chiếc xe ô tô, Nguyễn Thanh S có đặt cọc trước 5.000.000 đồng cho anh T. Anh Hoàng Thế D yêu cầu Nguyễn Thanh S trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 22/VKSQB-P3 ngày 05 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình thực hành quyền công tố tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cũng như các tình tiết định khung, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và khẳng định bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở pháp luật và giữ nguyên quan điểm truy

tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án từ 12 năm đến 13 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt cải tạo không giam giữ chưa chấp hành xong tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2022/HS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (sau khi đã trừ số ngày bị cáo đã chấp hành án).

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải bồi thường cho bị hại số tiền thuê 02 xe ô tô theo hợp đồng là 52.000.000 đồng trừ đi số tiền bị cáo đã đặt cọc là 5.000.000 đồng và trả lại cho anh Hoàng Thế D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 100.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh S - Luật sư Lê Hồng M thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo và không có ý kiến gì về tội danh. Luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì tài sản là 02 xe ô tô đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức hình phạt gần sát với khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh S thống nhất với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của Luật sư bào chữa về mức hình phạt và không tranh luận thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng của pháp luật để bị cáo nhanh chóng cải tạo tốt sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hình phạt của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện theo ủy quyền của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn... và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 20/9/2022, Nguyễn Thanh S đến cửa hàng của anh Nguyễn Duy T làm hợp đồng thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda2, biển kiểm soát 73A-191.70 để làm phương tiện đi lại. Sau khi làm xong hợp đồng, anh T đã giao xe cùng một số giấy tờ liên quan của xe ô tô cho S. Tuy nhiên, sau khi nhận xe về, trong quá trình sử dụng do xe bị trục trặc nên S đã liên hệ với T xin thuê thêm 01 xe nữa, khi nào đến hạn thì trả 02 xe cùng một lúc. Được T đồng ý, ngày 21/9/2022 Nguyễn Thanh S tiếp tục đến cửa hàng của Nguyễn Duy T làm hợp đồng thuê thêm 01 xe ô tô nhãn hiệu Xpander, biển kiểm soát 73A-130.16, với giá thỏa thuận là 1.000.000 đồng/ngày, thời hạn là 03 ngày phải trả xe. Sau khi nhận được xe Xpander, do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Thanh S đã mang chiếc Xpander này có giá trị 520.000.000 đồng đi cầm cố tại tiệm cầm đồ “Hoàng Dũng” lấy 100.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân mà không được sự cho phép của T. Sau đó do không có tiền để chuộc lại xe và trả tiền thuê xe nên S đã bỏ trốn khỏi địa phương.

- Đối với hành vi bị cáo thuê xe Mazda2 biển kiểm soát 73A-191.70, nhưng do trong quá trình sử dụng, chất lượng xe không tốt nên bị cáo S không sử dụng xe Mazda2 và gửi xe cho anh Nguyễn Văn H. Đến ngày 28/9/2022, khi anh T yêu cầu lấy lại xe từ anh H, S đã dặn anh H trả lại xe cho anh T. Như vậy, S không có ý thức chiếm đoạt đối với chiếc xe Mazda2 nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này.

- Đối với hành vi thuê xe Xpander biển kiểm soát 73A-130.16 để làm phương tiện đi lại, sau đó cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại xe của Nguyễn Thanh S đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Vì tài sản mà S đã chiếm đoạt của bị hại là chiếc xe ô tô Xpander có giá trị 520.000.000 đồng theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố

tụng hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo Nguyễn Thanh S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ việc lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt xe ô tô mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 23/9/2022, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử và xử phạt bị cáo 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội mới. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm mục đích cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và để làm gương cho người khác. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thanh S không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm phạm tội, Bản án số 47/2022/HS-ST, ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn chưa có hiệu lực pháp luật nên bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Ngoài ra trong quá trình truy nã, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tổng hợp hình phạt: Do Bị cáo Nguyễn Thanh S mới chỉ chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 27 tháng (810 ngày) của bản án hình sự sơ thẩm số 47/2022/HS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn là 14 ngày (từ ngày 01/11/2022 là ngày bị cáo bắt đầu chấp hành án đến ngày bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương ngày 15/11/2022) nên thời gian còn lại bị cáo Nguyễn Thanh S chưa chấp hành là 796 ngày phải quy đổi sang hình phạt tù để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[3] Về trách nhiệm dân sự và các hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện theo ủy quyền của bị hại: anh Nguyễn Duy T yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh S phải bồi thường dân sự số tiền 52.000.000 đồng là tiền thuê xe theo hợp đồng, cụ thể: Đối với xe Mazda2 là 09 ngày, kể từ 20/9/2022 đến ngày 28/9/2022 là ngày anh T lấy xe về từ anh Nguyễn Văn H, số tiền yêu cầu bồi thường là 7.000.000 đồng. Đối với xe Xpander là 45 ngày, kể từ ngày 21/9/2022 đến ngày 04/11/2022 là ngày anh D giao xe cho cơ quan Công an, mỗi ngày theo hợp đồng là 1.000.000 đồng, số tiền yêu cầu bồi thường là 45.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Hoàng Thế D đề nghị bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền bị cáo đã nhận cầm cố xe ô tô Xpander, biển kiểm soát 73A-130.16 tại tiệm cầm đồ của anh D, tuy nhiên:

- Đối với hành vi của Nguyễn Duy T: Cửa Hàng của Nguyễn Duy T không có mục đăng ký kinh doanh bằng hình thức cho xe thuê xe ô tô tự lái. Do đó việc Nguyễn Duy T cho bị cáo Nguyễn Thanh S thuê xe ô tô tự lái là kinh doanh không đúng mục đích, đối tượng trong giấy phép được cấp. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Duy T vi phạm vào khoản 2, Điều 6 Nghị định 98/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ. Ngày 20/02/2023, Công an tỉnh Quảng Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Duy T với mức phạt tiền là 7.500.000 đồng. T đã chấp hành quyết định xử phạt. Do đó việc anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền hợp đồng thuê 02 xe ô tô nói trên do hai bên tự thỏa thuận với số tiền 52.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị hại. Tuy nhiên, bị cáo S đã trả trước 5.000.000 đồng cho anh T, do đó số tiền còn lại bị cáo phải trả cho anh T là 47.000.000 đồng.

- Đối với hành vi của Hoàng Thế D nhận cầm cố xe Xpander.

Khi cầm cố xe Xpander, Nguyễn Thanh S nói đây là xe của S mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên và đưa cho anh D các giấy tờ gồm: 01 giấy kiểm định, 01 bản sao đăng ký, 01 bảo hiểm xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh S. Hoàng Thế D không biết xe trên do Nguyễn Thanh S thuê của người khác rồi cầm cố. Do đó hành vi của Hoàng Thế D không có dấu hiệu của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên khi cầm cố, Hoàng Thế D biết xe trên là đăng ký tên của người khác, không có giấy ủy quyền hợp lệ hay hợp đồng mua bán xe mà vẫn cho Nguyễn Thanh S cầm cố. Vì vậy, hành vi của Hoàng Thế D vi phạm vào điểm 1, khoản 3, Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 20/02/2023, Công an tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Thế D với mức phạt tiền

6.000.000 đồng. D đã chấp hành quyết định xử phạt và đã giao nộp lại chiếc xe Xpander biển kiểm soát 73A-130.16 cho Cơ quan Công an. Ngày 27/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại xe cho chủ sở hữu.

Do đó Hoàng Thế D yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000.000 đồng mà Bị cáo đã nhận của D từ việc cầm cố xe là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo S phải bồi thường cho bị hại là ông T và anh D.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có khả năng về tài chính và phải chấp hành hình phạt tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong hồ sơ vụ án hiện có các tài liệu bao gồm:

+ 01 hợp đồng cầm đồ ngày 23/9/2022 của quán cầm đồ Hoàng Dũng, người cầm đồ là Nguyễn Thanh S.

+ 01 giấy cầm xe do Nguyễn Thanh S viết về việc cầm cố xe Xpander biển kiểm soát 73A-130.16.

+ 01 giấy kiểm định số 8393049 của xe 73A-130.16 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Quảng Bình cấp ngày 24/12/2021.

+ 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của Nguyễn Văn T.

+ 01 bản sao đăng ký xe ô tô 73A-130.16

+ 01 bản photo Chứng minh nhân dân của Nguyễn Thanh S.

+ 01 bản photo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 29D80000173 do UBND thị xã B cấp cho Hoàng Thế D.

+ 01 bản photo Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự số 03/2018/GCN do Công an thị xã Ba Đồn cấp cho hộ kinh doanh 29D80000173.

Đây là những tài liệu liên quan đến việc phạm tội của bị cáo do đã hết thời hạn và không có giá trị sử dụng, đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu trả lại nên cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, do đó cần quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 12 (mười hai) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với phần hình phạt cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” chưa chấp hành xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2022/HS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình là 796 ngày, được quy đổi thành 08 (tám) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Hình phạt chung buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải chấp hành là 12 (mười hai) năm 8 (tám) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 21/11/2022).

3. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/6/2023 để đảm bảo cho việc thi hành án hình sự.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải trả cho Hoàng Thế D số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải trả cho bị hại là ông Nguyễn Văn T số tiền 47.000.000 (Bốn mươi bảy triệu) đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.350.000 (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình (P3);
- Văn phòng Điều tra CAQB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan THA hình sự công an tỉnh QB;
- Phòng KTNV & THA Tòa án tỉnh QB;
- Trại tạm giam CAQB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Hữu Tuyên**